

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲII - MÔN TIN HỌC 9

TT	Chủ đề/ Chương	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng câu hỏi			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm khách quan						Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 5:	1.Sử dụng hàm Countif	C1	C5,6	C9	C13	C15			C2		2	4	1	40%
		2. Sử dụng hàm Sumif	C2	C7	C10, 11	C14			C1			3	1	2	30%
2		3.Sử dụng hàm If	C3,4	C8	C12			C16			C3	2	1	3	30%
Tổng số câu			4	4	4	2	1	1	1	1	1	7	6	6	
Tổng số điểm			3,0			4,0			3,0			4,0	3,0	3,0	
Tỉ lệ %			30%			40%			30%			40%	30%	30%	

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ GIỮA HỌC KỲ II MÔN TIN HỌC 9

TT	Chủ đề/ Chương	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở mức độ đánh giá								
				Trắc nghiệm khách quan						Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng - Sai					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	<b>Chủ đề:</b> ỨNG DỤNG BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ NĂNG CAO	1.Sử dụng hàm Countif	<b>Biết:</b> - Biết được chức năng và vai trò của hàm Countif - Phân biệt được Countif với các hàm, Countif có thể dùng cho dữ liệu số và dữ liệu văn bản, không chỉ riêng số. <b>Hiểu:</b> - Giải thích được công thức dùng để đếm, hiểu được ý nghĩa của kí tự đại diện *, điều kiện khi đặc dấu () - Phân biệt được các điều kiện >,<=, và hiểu được cú pháp của hàm Countif, không nhầm lẫn giữa đếm tất cả và đếm theo điều kiện. - TL: Hiểu được bản chất điều kiện và cách hoạt động của Countif, giải thích được ý nghĩa toán học trong điều kiện <b>Vận dụng:</b>	Câu 1	Câu 5, 6	Câu 9	Câu 13	Câu 15			Câu 2 TL	

			- Biết vận dụng đúng cú pháp của hàm Countif, biết viết điều kiện văn bản và số đúng quy tắc									
		2. Sử dụng hàm Sumif	<b>Biết:</b> - Biết được chức năng và vai trò của hàm Sumif - Biết rằng Sumif bắt buộc phải có điều kiện dạng số hoặc văn bản. - TL: Viết đúng cú pháp của hàm, hiểu được ý nghĩa của từng tham số, biết khi nào dùng sum_range <b>Hiểu:</b> - Hiểu sự khác nhau giữa các hàm Sum, Countif, Sumif. Phân biệt được vai trò của từng tham số trong hàm Sumif <b>Vận dụng:</b> - Vận dụng đúng cú pháp của hàm sumif, xác định đúng cột chứa điều kiện, cột cần tính tổng, biết viết đúng tham số, phân biệt được hàm tính tổng với hàm đếm	Câu 2	Câu 7	Câu 10, 11	Câu 14			Câu 1 TL		
		3. Sử dụng hàm If	<b>Biết:</b> - Biết được cú pháp và vai trò của hàm If <b>Hiểu:</b> - Hiểu được cấu trúc của hàm If, phân biệt được hai tham số value_if_true và value_if_false.	Câu 3, 4	Câu 8	Câu 12			Câu 16			Câu 3 TL

			<b>Vận dụng:</b> - Vận dụng đúng cú pháp hàm If, biết sử dụng phép so sánh, xác định đúng giá trị trả về khi điều kiện đúng và sai - Xác định đúng nhánh “đúng” và “sai”, vận dụng cấu trúc vào bài toán thực tế - TL: Biết sử dụng hàm if với điều kiện so sánh số, xác định đúng điều kiện vào bài toán thực tế									
<b>Tổng số câu</b>				<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>1</b>
<b>Tổng số điểm</b>				<b>3,0</b>			<b>4,0</b>			<b>3,0</b>		
<b>Tỉ lệ %</b>				<b>30</b>			<b>40</b>			<b>30</b>		

(Đề gồm có 02 trang)

**I/ TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN: (3 điểm)**

**Hãy lựa chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:**

**Câu 1:** Hàm COUNTIF dùng để làm gì?

- A. Đếm số ô thỏa mãn điều kiện  
B. Tính tổng các giá trị  
C. Tìm giá trị lớn nhất  
D. Tính trung bình cộng

**Câu 2:** Trong hàm SUMIF(A1:A10, ">5"), phần ">5" gọi là gì?

- A. Hàm phụ  
B. Giá trị trung bình  
C. Vùng tính tổng  
D. Điều kiện

**Câu 3:** Trong hàm IF, biểu thức điều kiện thường sử dụng:

- A. Phép cộng  
B. Phép so sánh (>, <, =)  
C. Phép nhân  
D. Phép chia

**Câu 4:** Cú pháp đúng của hàm IF là:

- A. =IF(value\_if\_true, condition)  
B. =IF(condition)  
C. =IF(condition, value\_if\_true, value\_if\_false)  
D. =IF(range, condition)

**Câu 5:** Trong công thức =COUNTIF(A2:A10, "\*xăng\*") có ý nghĩa gì?

- A. Đếm số ô có chứa từ "\*xăng\*" trong phạm vi A2:A10.  
B. Chỉ đếm các ô chứa từ "xăng" trong trang tính.  
C. Tính tổng tất cả các giá trị có chứa từ "\*xăng\*" trong phạm vi A2:A10.  
D. Đếm tổng số ô có dữ liệu bất kỳ trong phạm vi A2:A10.

**Câu 6:** Khi đếm dữ liệu chữ trong Excel bằng COUNTIF, điều kiện cần đặt trong:

- A. Dấu ngoặc vuông  
B. Dấu ngoặc kép  
C. Dấu ngoặc đơn  
D. Không cần dấu

**Câu 7:** Cho bảng điểm ở cột A (A1:A10). Công thức nào tính tổng điểm  $\geq 5$ ?

- A. =COUNTIF(A1:A10,">=5")  
B. =SUMIF(">=5",A1:A10)  
C. =SUMIF(A1:A10,">=5")  
D. =SUM(A1:A10,">=5")

**Câu 8:** Nếu điều kiện trong hàm IF đúng thì hàm sẽ:

- A. Trả về giá trị value\_if\_true  
B. Trả về giá trị value\_if\_false  
C. Báo lỗi  
D. Không hiển thị kết quả

**Câu 9:** Để đếm số học sinh có tên "Lan" trong cột A từ A1 đến A20, ta dùng:

- A. =COUNTIF(A1:A20,"=Lan")  
B. =COUNTIF("Lan",A1:A20)  
C. =COUNTIF(A1:A20,Lan)  
D. =COUNTIF(A1:A20,"Lan")

**Câu 10:** Cột A chứa tên mặt hàng, cột B chứa số tiền. Công thức tính tổng tiền của mặt hàng "Bút"?

- A. =COUNTIF(A1:A10,"Bút")  
B. =SUMIF(B1:B10,"Bút",A1:A10)  
C. =SUMIF(A1:A10,"Bút",B1:B10)  
D. =SUM(B1:B10,"Bút")

**Câu 11:** Muốn tính tổng lương ở cột C của nhân viên phòng "Kế toán" (tên phòng ở cột B), công thức nào đúng?

- A. =SUM(C2:C20,"Kế toán")  
B. =SUMIF(B2:B20,"Kế toán",C2:C20)  
C. =COUNTIF(B2:B20,"Kế toán")  
D. =SUMIF(C2:C20,"Kế toán",B2:B20)

**Câu 12:** Công thức nào kiểm tra A1 có bằng 10 hay không?

- A. =IF(A1=10,"Đúng","Sai")  
B. =IF(A1>10)  
C. =SUMIF(A1=10)  
D. =COUNT(A1=10)

**II/ TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI: (4 điểm)**

**Hãy lựa chọn Đúng hoặc Sai cho mỗi ý trong các câu sau đây :**

**Câu 13:** Một lớp học lưu điểm kiểm tra trong vùng A1:A20. Giáo viên dùng hàm COUNTIF để thống kê. Hãy cho biết mỗi phát biểu sau **Đúng** hay **Sai**:

Phát biểu	Đúng	Sai
A. Hàm COUNTIF dùng để tính tổng các giá trị.		
B. Cú pháp của hàm COUNTIF là COUNTIF(vùng dữ liệu, điều kiện)		
C. Hàm COUNTIF dùng để đếm các ô thỏa mãn điều kiện.		
D. Hàm COUNTIF chỉ dùng cho dữ liệu số.		

**Câu 14:** Một học sinh tìm hiểu về hàm SUMIF trong bảng tính và đưa ra các phát biểu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
A. Hàm SUMIF có thể dùng với điều kiện dạng số hoặc văn bản.		
B. Hàm SUMIF chỉ dùng để đếm số ô thỏa mãn điều kiện.		
C. Hàm SUMIF dùng để tính tổng các giá trị thỏa mãn điều kiện.		
D. Hàm SUMIF không cần điều kiện vẫn sử dụng được.		

**Câu 15:** Cho vùng dữ liệu A1:A5 gồm các giá trị: 5, 7, 5, 8, 3. Một học sinh sử dụng các công thức COUNTIF. Cho biết phát biểu nào đúng, phát biểu nào sai:

Phát biểu	Đúng	Sai
A. COUNTIF(A1:A5,5) cho kết quả bằng 2.		
B. COUNTIF(A1:A5,"<5") cho kết quả bằng 2.		
C. COUNTIF(A1:A5,">5") đếm các số lớn hơn 5.		
D. COUNTIF(A1:A5,">=5") đếm tất cả các số trong vùng.		

**Câu 16:** Cho A1 = 6, xét công thức:=IF(A1>7,"Lớn","Nhỏ hoặc bằng")

Phát biểu	Đúng	Sai
A. Điều kiện A1>7 là sai.		
B. Kết quả hiển thị “Lớn”.		
C. Hàm IF không trả về kết quả khi điều kiện sai.		
D. Kết quả hiển thị “Nhỏ hoặc bằng”.		

### III/ TỰ LUẬN: (3 điểm)

**Câu 1:** (1 điểm) Hãy viết công thức tổng quát của hàm SUMIF và nêu ý nghĩa?

**Câu 2:** (1 điểm) Cho công thức: =COUNTIF(B2:B15,">=8")

a) Công thức trên đếm những giá trị nào?

b) Dấu ">=" có ý nghĩa gì?

**Câu 3:** (1 điểm) Cho bảng dữ liệu tính số tiền thưởng cho các đại lí của một nhãn hàng bánh kẹo như sau:

	A	B	C	D
1	Địa lí	Doanh thu (Nghìn đồng)	Tỉ lệ thưởng	Số tiền (nghìn đồng)
2	A	10		
3	B	15		

a) Sử dụng hàm IF để viết công thức tính tỉ lệ thưởng cho các đại lí. Biết với mức doanh thu trên 16 nghìn đồng thì tỉ lệ thưởng là 4%, còn không thì tỉ lệ thưởng là 1%.

b) Hãy cho biết kết quả hiển thị ở cột số tiền. Biết Số tiền = Doanh thu x Tỉ lệ.

-----HẾT-----

ĐỀ CHÍNH

MÃ ĐỀ B

(Đề gồm có 02 trang)

I/ TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN. (3 điểm)

**Hãy lựa chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:**

**Câu 1:** Trong hàm COUNTIF(A1:A10,"≥5"), phần "≥5" là gì?

- A. Vùng dữ liệu      B. Điều kiện đếm      C. Địa chỉ ô      D. Hàm tính

**Câu 2:** Hàm SUMIF dùng để làm gì?

- A. Tìm giá trị lớn nhất      B. Tính trung bình cộng  
C. Đếm số ô trong bảng tính      D. Tính tổng các giá trị thỏa mãn điều kiện

**Câu 3:** Hàm IF trong bảng tính dùng để làm gì?

- A. Tính tổng các giá trị      B. Đếm số ô  
C. Kiểm tra điều kiện và trả về kết quả tương ứng      D. Sắp xếp dữ liệu

**Câu 4:** Cú pháp đúng của hàm IF là: (Biết)

- A. =IF(condition, value\_if\_true, value\_if\_false)      B. =IF(range, condition)  
C. =IF(value\_if\_true, condition)      D. =IF(condition)

**Câu 5:** Cho các số trong A1:A5 là: 3, 7, 5, 7, 2. Kết quả của =COUNTIF(A1:A5,7) là:

- A. 1      B. 2      C. 3      D. 5

**Câu 6:** =COUNTIF(B1:B10,"<10") dùng để:

- A. Đếm số ô nhỏ hơn 10      B. Đếm số ô lớn hơn 10  
C. Đếm tổng các số nhỏ hơn 10      D. Tìm giá trị nhỏ nhất

**Câu 7:** Thành phần sum\_range trong hàm SUMIF có vai trò gì?

- A. Chứa điều kiện      B. Xác định ô kiểm tra điều kiện  
C. Xác định giá trị lớn nhất      D. Xác định vùng cần tính tổng

**Câu 8:** Trong hàm IF, đối số value\_if\_false là gì?

- A. Giá trị lớn nhất      B. Vùng dữ liệu      C. Điều kiện kiểm tra      D. Giá trị trả về khi điều kiện sai

**Câu 9:** Cho bảng điểm, cần đếm số học sinh có điểm dưới 5. Công thức nào đúng?

- A. =COUNTIF(A1:A10,">5")      B. =COUNTIF(A1:A10,"=5")  
C. =COUNTIF(A1:A10,"<5")      D. =COUNTIF(A1:A10,5)

**Câu 10:** Cột A chứa tên mặt hàng, cột B chứa số tiền. Công thức tính tổng tiền của mặt hàng “Bút”?

- A. =SUM(B1:B10,"Bút")      B. =SUMIF(A1:A10,"Bút",B1:B10)  
C. =COUNTIF(A1:A10,"Bút")      D. =SUMIF(B1:B10,"Bút",A1:A10)

**Câu 11.** Cho bảng dữ liệu:

A (Điểm)	B (Thuởng)
8	100
4	50
9	120

Công thức =SUMIF(A1:A3,">=8",B1:B3) cho kết quả:

- A. 100      B. 150      C. 220      D. 270

**Câu 12.** Cột A chứa điểm học sinh. Công thức nào xếp loại “Đậu” nếu điểm  $\geq 5$ , ngược lại “Rớt”?

- A. =IF(A1>=5,"Đậu","Rớt")      B. =SUMIF(A1>=5)  
C. =COUNTIF(A1>=5)      D. =IF("Đậu",A1>=5,"Rớt")

## II/ TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI: (4 điểm)

**Hãy lựa chọn Đúng hoặc Sai cho mỗi ý trong các câu sau đây:**

**Câu 13:** Một học sinh tìm hiểu về hàm COUNTIF trong Excel. Cho biết các phát biểu sau đúng hay sai:

Phát biểu	Đúng	Sai
E. COUNTIF có thể áp dụng cho dữ liệu số và dữ liệu chữ.		
F. COUNTIF đếm số ô thỏa mãn điều kiện cho trước.		
G. COUNTIF chỉ cần một đối số duy nhất.		
H. Điều kiện trong COUNTIF không cần đặt trong dấu ngoặc kép.		

**Câu 14:** Một học sinh tìm hiểu về hàm SUMIF trong bảng tính và đưa ra các phát biểu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
A. Hàm SUMIF có thể dùng với điều kiện dạng số hoặc văn bản.		
C. Hàm SUMIF chỉ dùng để đếm số ô thỏa mãn điều kiện.		
C. Hàm SUMIF dùng để tính tổng các giá trị thỏa mãn điều kiện.		
D. Hàm SUMIF không cần điều kiện vẫn sử dụng được.		

**Câu 15:** Cho vùng dữ liệu A1:A6 gồm: 2, 4, 6, 8, 10, 12. Đánh giá các phát biểu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
E. COUNTIF(A1:A6,6) đếm các số lớn hơn 6.		
F. COUNTIF(A1:A6,"<2") cho kết quả bằng 1.		
G. COUNTIF(A1:A6,">6") cho kết quả bằng 3.		
H. COUNTIF(A1:A6,"<=4") cho kết quả bằng 2.		

**Câu 16:** Cho A1 = 6, xét công thức: =IF(A1>7,"Lớn","Nhỏ hoặc bằng")

Phát biểu	Đúng	Sai
A. Hàm IF không trả về kết quả khi điều kiện sai.		
B. Kết quả hiển thị “Nhỏ hoặc bằng”.		
C. Kết quả hiển thị “Lớn”.		
D. Điều kiện A1>7 là sai.		

## III/ TỰ LUẬN: (3 điểm)

**Câu 1:** (1 điểm) Hãy viết công thức tổng quát của hàm SUMIF và nêu ý nghĩa?

**Câu 2:** (1 điểm) Cho công thức: =COUNTIF(C2:C20,"<5")

a) Công thức trên đếm những giá trị nào?

b) Dấu "<" có ý nghĩa gì?

**Câu 3:** (1 điểm) Cho bảng dữ liệu tính số tiền thưởng cho các đại lý của một nhãn hàng bánh kẹo như sau:

	A	B	C	D
1	Địa lí	Doanh thu (Nghìn đồng)	Tỉ lệ thưởng	Số tiền (nghìn đồng)
2	C	20		
3	D	18		

a) Sử dụng hàm IF để viết công thức tính tỉ lệ thưởng cho các đại lý. Biết với mức doanh thu trên 16 nghìn đồng thì tỉ lệ thưởng là 4%, còn không thì tỉ lệ thưởng là 1%.

b) Hãy cho biết kết quả hiển thị ở cột số tiền. Biết Số tiền = Doanh thu x Tỉ lệ.

-----HẾT-----



**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM - TIN HỌC 9 - Mã đề A**

**I/ TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN: (3 điểm)**

*Chọn phương án trả lời đúng A, B, C, D của mỗi câu sau*

*(Từ câu 1 đến câu 12 mỗi câu đúng được 0,25 điểm)*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	D	B	C	A	B	C	A	D	C	B	A

**II/ TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI: (4 điểm)**

*(Từ câu 13 đến câu 16 mỗi ý đúng được 0,25 điểm)*

Câu	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16
A	Sai	Đúng	Đúng	Đúng
B	Đúng	Sai	Sai	Sai
C	Đúng	Đúng	Đúng	Sai
D	Sai	Sai	Sai	Đúng

**III/ PHẦN TỰ LUẬN**

<p><b>Câu 1: Công thức của hàm SUMIF:</b></p> <p>=SUMIF(range, criteria,[sum_range])</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>+ range: Phạm vi chứa các giá trị cần kiểm tra hoặc tính tổng các giá trị nếu không có tham số sum_range</li><li>+ criteria: Điều kiện kiểm tra</li><li>+ sum_range: Phạm vi chứa các giá trị cần tính tổng, nếu sum_range bị bỏ qua thì tính tổng các ô trong tham số range thỏa mãn điều kiện</li></ul>	<p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p>
<p><b>Câu 2: Cho công thức: =COUNTIF(B2:B15,"&gt;=8")</b></p> <p>a) Công thức trên đếm những giá trị nào?</p> <p>b) Dấu "&gt;=" có ý nghĩa gì?</p> <p><b>Trả lời:</b></p> <p>a) Công thức đếm số ô có giá trị lớn hơn hoặc bằng 8 trong vùng B2:B15.</p> <p>b) Dấu "&gt;=" là ký hiệu so sánh, có nghĩa là lớn hơn hoặc bằng.</p>	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
<p><b>Câu 3:</b></p> <p>a) - Đại lí A, tại ô C2: =IF(B2&gt;16,"4%", "1%")</p> <p>- Đại lí B, tại ô C3: =IF(B3&gt;16,"4%", "1%")</p> <p>B) - Đại lí A, tại ô D2: = B2*C2 = 10*1%=0,1</p> <p>- Đại lí B, tại ô D3:= B3*C3=15*1%=0,15</p>	<p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p><i>* Học sinh làm cách khác đúng vẫn ghi điểm tối đa.</i></p>

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐIỂM - TIN HỌC 9 - Mã đề B

I. TRẮC NGHIỆM: (7 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng A, B, C, D của mỗi câu sau

(Từ câu 1 đến câu 12 mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	B	D	C	A	B	A	D	D	C	B	C	A

II/ TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI: (4 điểm)

(Từ câu 13 đến câu 16 mỗi ý đúng được 0,25 điểm)

Câu	Câu 13	Câu 14	Câu 15	Câu 16
A	Đúng	Đúng	Sai	Sai
B	Đúng	Sai	Sai	Đúng
C	Sai	Đúng	Đúng	Sai
D	Sai	Sai	Đúng	Đúng

III/ PHẦN TỰ LUẬN

<p><b>Câu 1: Công thức của hàm SUMIF:</b></p> <p>=SUMIF(range, criteria,[sum_range])</p> <p>Trong đó:</p> <p>+ range: Phạm vi chứa các giá trị cần kiểm tra hoặc tính tổng các giá trị nếu không có tham số sum_range</p> <p>+ criteria: Điều kiện kiểm tra</p> <p>+ sum_range: Phạm vi chứa các giá trị cần tính tổng, nếu sum_range bị bỏ qua thì tính tổng các ô trong tham số range thỏa mãn điều kiện</p>	<p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p>
<p><b>Câu 2: * Cho công thức: =COUNTIF(C2:C20,"&lt;5")</b></p> <p>a) Công thức trên đếm những giá trị nào?</p> <p>b) Dấu "&lt;" có ý nghĩa gì?</p> <p><b>Trả lời:</b></p> <p>a) Công thức đếm số ô trong vùng C2:C20 có giá trị nhỏ hơn 5.</p> <p>b) Dấu "&lt;" là ký hiệu so sánh, có nghĩa là nhỏ hơn.</p>	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
<p><b>Câu 3:</b></p> <p>a) - Đại lí C, tại ô C2: =IF(B2&gt;16,"4%","1%")</p> <p>- Đại lí D, tại ô C3: =IF(B3&gt;16,"4%","1%")</p> <p>b) - Đại lí C, tại ô D2: = B2*C2 = 20*4%=0,8</p> <p>- Đại lí D, tại ô D3:= B3*C3 = 18*4% = 0,72</p>	<p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>0,25 điểm</p> <p>* Học sinh làm cách khác đúng vẫn ghi điểm tối đa.</p>



